TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:184/2025/DS-PT
Ngày 26/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng;

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi và đòi lại tài sản (tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Loan C;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Số 1806/109/4A, khu phố 6, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 05/9/2024). (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mộng L;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Loan C - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan C và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Bà C và bà L là 02 chị em ruột, sống cạnh nhà nhau. Bà L là chủ hụi, thường xuyên mở các dây hụi và kêu gọi người trong địa phương cùng tham gia. Ngày 10/8/2022, bà L mở dây hụi tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, vận động được 27 chưng hụi. Theo danh sách hụi, bà C ở vị trí số 01 và 02, bà L đã ghi "Chị 2 C". Bà C đóng hụi đến lần thứ 21 thì hốt nhưng bà L không cho hốt, bà L tính bình quân 02 chưng hụi của bà C đã đóng được 22 lần/chưng, với số tiền 21.500.000 đồng/chưng, tổng 02 chưng là 44.000.000 đồng, sau khi đã trừ huê hồng 500.000 đồng/chưng (1.000.000 đồng), còn lại số tiền 43.000.000 đồng bà L không giao, bà C nhiều lần nhắc nhở nhưng bà L không trả, đến nay 02 chưng hụi này đã mãn. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà C, chỉ yêu cầu bà L trả tiền nợ hụi còn thiếu 39.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bà L, bà C thừa nhận trước đây bà L có giao cho bà 42.000.000 đồng để bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ ruột của bà và bà L. Tuy nhiên, trong quá trình chăm sóc, giữa bà và mẹ bà thường xuyên có mâu thuẫn, không thuận thảo nên bà có đưa mẹ bà đến ở với người em thứ 5 trong gia đình tên là Nguyễn Mộng L1 để chăm sóc mẹ. Số tiền 42.000.000 đồng bà đã sử dụng làm nhà vệ sinh tại nhà của mẹ ruột hết 2.400.000 đồng, chi phí xe đưa mẹ ruột đến nhà bà L1 hết 600.000 đồng, còn lại 39.000.000 đồng bà đã giao cho bà L1. Việc bà giao tiền cho bà L1 thì bà L không chứng kiến. Khi bà đưa mẹ bà đến nhà bà L1 và sau khi đưa tiền cho bà L1 xong, về nhà bà có nói lại cho bà L biết, bà L cũng không có ý kiến phản đối gì. Sau này, bà và bà L1 phát sinh mâu thuẫn, khi cãi nhau thì bà L1 cũng thừa nhận đã nhận của bà số tiền này. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà L, nếu bà L muốn lấy lại tiền thì liên hệ bà L1, yêu cầu bà L1 giao trả.

Theo đơn phản tố ngày 28 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mộng L trình bày:

Bà thừa nhận bà có đứng ra làm chủ hụi dây hụi tháng, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, được chia làm 27 chưng hụi (phần hụi), bà C tham gia 02 phần, danh sách hụi ghi "Chị 2 C" như nội dung khởi kiện của bà C là đúng. Bà C cho rằng đến lần mở hụi thứ 21 bà C được hốt hụi nhưng bà không giao tiền là không đúng, vì lần 21 này bà C không đi tham gia mở hụi và từ lần 21 đến khi mãn hụi bà C cũng không đóng tiền hụi cho bà. Như vậy, bà C chỉ đóng tiền hụi cho bà 02 chưng đều đến lần thứ 20. Do đó, tổng số tiền bà C được hốt thực tế là 40.000.000 đồng, trừ đi tiền huê hồng 500.000 đồng/chưng (1.000.000 đồng), bà chỉ có nghĩa vụ giao trả cho bà C số tiền hụi là 39.000.000 đồng. Bà thống nhất trả số tiền này cho bà C.

Tuy nhiên, bà C còn nợ bà số tiền 42.000.000 đồng, cụ thể: Vào ngày 22/12/2022, bà có giao cho bà C số tiền 42.000.000 đồng là tiền cá nhân của bà để bà C chăm sóc mẹ ruột của 02 bà khi đau bệnh, bà C cam kết phụng dưỡng mẹ cho tới cuối đời và số tiền này chỉ dùng sử dụng cho việc khi mẹ bị bệnh và nằm viện, nhưng bà C chỉ chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ được khoảng 01 tháng thì không nuôi nữa, bỏ mặt mẹ khi đau bệnh, nên bà đã đưa mẹ ruột về chăm sóc, phụng dưỡng. Bà có qua nói chuyện với bà C về số tiền này, bà C nói khi nào mãn hụi ngày 10/8/2024 thì bà C trả lại số tiền này cho bà, nhưng đến nay không trả. Nay bà yêu cầu bà C phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền 42.000.000 đồng.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm. Tại Bản án số 25/2025/DS-ST ngày 31/3/2025, Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 166, Điều 280, Điều 281, Điều 284, Điều 351, Điều 415, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 6, 7, 8 khoản 2 Điều 15, Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Loan C. Buộc bà Nguyễn Mộng L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Loan C số tiền hụi còn thiếu 39.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Loan C có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng, bà Nguyễn Mộng L phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Loan C đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Mộng L. Buộc bà Nguyễn Thị Loan C có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Mộng L số tiền 42.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Mộng L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng, bà Nguyễn Thị Loan C phải trả lãi cho bà Nguyễn Mộng L đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 14/4/2025, bà C có đơn kháng một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bà C không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo; bà L không rút đơn phản tố và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà C là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Loan C đảm bảo về hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà C, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà C thừa nhận bà C có nhận của bà L số tiền 42.000.000 đồng để chăm sóc mẹ của bà C, bà L khi đau bệnh, nằm viện. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết mà bà L không phải chứng minh.

[4] Theo bà C, số tiền 42.000.000 đồng là tiền bán đất của mẹ (cụ H) trước đây, giao lại cho bà L quản lý giùm, sau đó bà L giao lại cho bà để chăm sóc mẹ ruột, bà đã sử dụng làm nhà vệ sinh tại nhà mẹ ruột hết 2.400.000 đồng, trong thời gian mẹ bà sống chung với bà thì 02 người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thuận thảo, bà đã đưa mẹ ruột đến nhà bà Nguyễn Mộng L1 (em ruột bà) để chăm sóc, tiền thuê xe đưa mẹ đến nhà bà L1 hết 600.000 đồng, còn lại 39.000.000 đồng bà đã giao lại cho bà L1; còn bà L thì cho rằng, số tiền trên là dùng để chăm sóc mẹ khi đau bệnh, nằm viện cần chăm sóc y tế, bà C cam kết phụng dưỡng mẹ cho đến cuối đời nhưng được khoảng 01 tháng thì không chăm sóc nữa, bỏ mặc mẹ ruột khi đau bệnh nên bà đưa mẹ ruột về chăm sóc, phụng dưỡng. Như vậy, bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 42.000.000 đồng là tiền mẹ ruột bán đất, bà L quản lý giùm, không phải là tiền cá nhân của bà L; bà C tự ý dùng số tiền 2.400.000 đồng để sửa chữa nhà vệ sinh cho mẹ, 600.000 đồng thuê xe đưa mẹ đến nhà bà L1, đưa số tiền còn lại 39.000.000 đồng cho bà L1 không đúng như thỏa thuận ban đầu với bà L, cũng không được sự đồng ý của bà L, hiện nay bà C không còn chăm sóc, phụng dưỡng mẹ ruột nữa. Do đó, bà L đòi bà C trả lại số tiền 42.000.000 đồng đã giao cho bà C và Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bà L là có căn cứ, đúng quy định tại các điều 284, 351, 415 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Bà C kháng cáo cho rằng số tiền 42.000.000 đồng là tiền của cụ H bán đất giao cho bà L, số tiền này bà đã đưa cho bà L1 chi phí hết 01 phần để chăm sóc cụ H, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ngoài lời trình bày của bà cũng như người đại diện hợp pháp của bà. Do đó, kháng cáo của bà không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Đối với việc bà C giao tiền cho bà L1 mà không được sự đồng ý của bà L thì bà phải chịu trách nhiệm, bà được quyền khởi kiện để đòi bà L1 trả số tiền mà bà đã giao cho bà L1 thành một vụ án dân sự khác nếu có tranh chấp.

[7] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà C, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm"*. Như vậy, bà C là người kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, bà không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên bà phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Loan C.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Loan C. Buộc bà Nguyễn Mộng L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Loan C số tiền hụi còn thiếu 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Loan C thì hàng tháng, bà Nguyễn Mộng L còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

1.2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Mộng L. Buộc bà Nguyễn Thị Loan C có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Mộng L số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Mộng L thì hàng tháng, bà Nguyễn Thị Loan C còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Loan C phải chịu là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.075.000 đồng

(Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006692 ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 1.025.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Mộng L phải chịu là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006806 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Loan C phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009340 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Long Phú;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm